

**BỘ TƯ PHÁP**  
**CỤC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

---

**TRAO ĐỔI,  
XỬ LÝ TÌNH HUỐNG  
VỀ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Hà Nội, tháng 12 năm 2014**

### **Chỉ đạo nội dung**

TS. Ngô Hải Phan - Cục trưởng

Ths. Nguyễn Nguyên Dũng - Phó Cục trưởng

### **Tham gia biên soạn**

1. Ths. Lê Thị Kim Hoa - Phòng Kinh tế tổng hợp

2. CN. Nguyễn Đắc Hoàn - Phòng Kinh tế tổng hợp

3. CN. Vũ Thị Tâm - Phòng Kinh tế tổng hợp

4. Ths. Nguyễn Hùng Hué - Phòng Kinh tế ngành

5. Ths. Vũ Ngọc Dũng - Phòng Khoa giao văn xã

6. Ths. Trần Quang Hồng - Phòng Hợp tác công tư về CCTTHC

## LỜI MỞ ĐẦU

Kiểm soát thủ tục hành chính là nhiệm vụ trực tiếp, cụ thể, thiết thực, có hiệu quả, góp phần đảm bảo thực hiện mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính, giúp hoàn thiện và nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tổ chức và doanh nghiệp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế.

Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính là hoạt động mang tính chuyên môn, nghiệp vụ cao, được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, từ khâu kiểm soát quy định thủ tục hành chính ở giai đoạn soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đến việc tổ chức thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và kiểm tra việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính. Vì vậy, việc nắm vững các quy định pháp luật về lĩnh vực này, sử dụng thành thạo các công cụ trong quá trình kiểm soát thủ tục hành chính, để từ đó thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm thành công của công tác cải cách thủ tục hành chính.

Năm 2013, Bộ Tư pháp đã biên soạn và phát hành cuốn “***Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính***” với những kiến thức cơ bản về hoạt động này. Hiện nay, đông đảo những người làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính và các tổ chức, cá nhân tiếp tục có mong muốn tìm hiểu, tra cứu nhanh về các quy định pháp luật, kiến thức nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính dưới dạng tài liệu trao đổi, xử lý tình huống; đồng thời đã chủ động gửi về Cục Kiểm soát thủ tục hành chính rất nhiều vấn đề từ các góc độ thực tiễn thực hiện.

Trên cơ sở nội dung cuốn *Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính* năm 2013, và các vấn đề được nêu, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính đã tổ chức biên soạn tài liệu “**Trao đổi, xử lý tình huống về kiểm soát thủ tục hành chính**” dưới dạng nêu vấn đề, giải đáp vấn đề. Nội dung trao đổi, xử lý tình huống được trình bày ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, thể hiện đầy đủ những quy định của pháp luật hiện hành về kiểm soát thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, tra cứu, thực hiện của cán bộ, công chức và nhân dân. Tài liệu gồm 05 phần:

Phần I. Trao đổi về Kiểm soát quy định thủ tục hành chính

Phần II. Trao đổi về Kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính

Phần III. Trao đổi về Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính

Phần IV. Trao đổi về công tác truyền thông

Phần V. Trao đổi về các nội dung khác.

Quá trình biên soạn Tài liệu không tránh khỏi thiếu sót, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp mong nhận được nhiều ý kiến góp ý để tiếp tục bổ sung, chỉnh lý và hoàn thiện.

*Hà Nội, tháng 12 năm 2014*

**Ngô Hải Phan,**

**Cục trưởng Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp.**

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
Bộ, cơ quan	Bộ, cơ quan ngang Bộ và ba cơ quan: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng chính sách Xã hội và Ngân hàng phát triển Việt Nam
Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Tổng giám đốc cơ quan: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển Việt Nam
Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật
Cục KSTTHC	Cục Kiểm soát thủ tục hành chính
CSDLQG	Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính
Nghị định số 63/2010/NĐ-CP	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính
Nghị định số 48/2013/NĐ-CP	Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính
Nghị định số 20/2008/NĐ-CP	Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính
PAKN	Phản ánh, kiến nghị
TTHC	Thủ tục hành chính
Thông tư số 05/2014/TT-BTP	Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 7/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.
Thông tư số 07/2014/TT-BTP	Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính
UBND cấp tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
UBND cấp huyện	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh
UBND cấp xã	Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

# PHẦN I. KIỂM SOÁT VỀ QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

## I. NHẬN DIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

*Câu hỏi 1. Mục đích của việc nhận diện thủ tục hành chính là gì?*

**Trả lời:**

Nhận diện TTHC là nhận biết nhằm thấy được, biết được, chỉ ra được các quy định TTHC tại dự án, dự thảo VBQPPL hoặc VBQPPL đã được ban hành. Việc nhận diện quy định TTHC phải dựa trên cơ sở định nghĩa TTHC nêu tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và nội dung yêu cầu của việc quy định TTHC tại Điều 8 của Nghị định nêu trên. Nhận diện TTHC có ý nghĩa quan trọng đối với các hoạt động liên quan đến ĐGTĐ của quy định TTHC, tham gia ý kiến, tham gia thẩm định về quy định TTHC và có ý nghĩa đặc biệt đối với hoạt động công bố công khai TTHC, cụ thể:

- Giúp thực hiện tốt công tác ĐGTĐ quy định TTHC;
- Bảo đảm ý kiến tham gia hoặc thẩm định trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL có quy định TTHC phù hợp với phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền của cơ quan, đơn vị có chức năng kiểm soát TTHC và bảo đảm các yêu cầu đặt ra;
- Giúp thống kê, công bố, công khai TTHC một cách đầy đủ, chính xác, tránh bỏ sót TTHC.

Như vậy:

**Có “Nhận diện tốt về quy định TTHC”**

**Sẽ có cơ sở “Kiểm soát tốt TTHC”**

**Sẽ có “Giải pháp cải cách hiệu quả, chất lượng đối với quy định TTHC”**

Nhận diện TTHC không đơn giản chỉ là việc thống kê, xác định quy định TTHC tại dự án, dự thảo VBQPPL hoặc VBQPPL đã được ban hành mà nhận diện TTHC còn có ý nghĩa quan trọng giúp nâng cao chất lượng công tác kiểm soát quy định TTHC cũng như công tác kiểm soát việc thực hiện TTHC và đặc biệt góp phần nâng cao chất lượng quy định TTHC nói riêng, chất lượng VBQPPL nói chung.

*Câu hỏi 2. Thủ tục hành chính là gì? đặc điểm, bản chất và hình thức của thủ tục hành chính?*

**Trả lời:**

1. Có nhiều cách hiểu khác nhau về TTHC. Dưới góc độ quản lý nhà nước nói chung, TTHC được hiểu là công cụ, phương tiện quan trọng để các cơ quan hành chính thực hiện việc quản lý đối với từng ngành, lĩnh vực cụ thể. Còn dưới góc độ xã hội, TTHC được xác định là cầu nối để chuyển tải các quy định cụ thể về chính sách của Nhà nước vào cuộc sống, đảm bảo cho người dân, tổ chức tiếp cận và thực hiện tốt các chính sách, trong đó, cơ bản và chủ yếu là thực hiện các quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của công dân, tổ chức.

Hiện nay, theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, TTHC được quy định theo hướng giải thích từ ngữ: “*TTHC là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức*”.

Quy định nêu trên có tính khái quát hóa cao về TTHC. Trên cơ sở giải thích đó, tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP quy định: một TTHC phải có 08 (tám) bộ phận tạo thành bắt buộc và ba (03) bộ phận tạo thành không bắt buộc. Cụ thể gồm:

- Tên thủ tục;
- Hồ sơ của thủ tục;
- Trình tự thực hiện;
- Cách thức thực hiện;
- Thời hạn giải quyết;
- Đối tượng thực hiện;
- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết;
- Kết quả của thủ tục;
- Yêu cầu, điều kiện (nếu có);
- Mẫu đơn, tờ khai (nếu có);
- Phí, lệ phí (nếu có).

2. TTHC có những đặc điểm cơ bản sau đây:

a) Về thẩm quyền ban hành và hình thức pháp lý

TTHC phải được quy định trong các VBQPPL do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành và được thể hiện dưới hình thức quy phạm thủ tục hành chính.

TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của ND 63 là “cầu nối” để người dân, tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định và cũng chính là để bảo đảm thực hiện các quy phạm nội dung. Vì vậy, TTHC được xác định là quy phạm thủ tục hay còn gọi là quy phạm hình thức.

b) Về yếu tố tạo thành của TTHC

Các bộ phận tạo thành TTHC là một trong các dấu hiệu quan trọng để nhận biết TTHC. Các bộ phận tạo thành, gồm: tên thủ tục; hồ sơ; trình tự; cách thức thực hiện; cơ quan thực hiện; đối tượng thực hiện; kết quả của thủ tục; yêu cầu, điều kiện (nếu có); mẫu đơn, tờ khai (nếu có); phí, lệ phí (nếu có).

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, một TTHC cụ thể được coi là hoàn thành khi đã được quy định đủ các bộ phận tạo thành; đối với một TTHC được quy định tại VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phải bảo đảm đầy đủ các bộ phận tạo thành sau đây: Tên TTHC; Trình tự thực hiện; Hồ sơ; Thời hạn giải quyết; Đối tượng thực hiện; Cơ quan thực hiện; Kết quả thực hiện. Trường hợp TTHC có yêu cầu, điều kiện, thì yêu cầu, điều kiện phải được quy định trong các VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đối với yêu cầu, điều kiện thể hiện dưới dạng quy chuẩn kỹ thuật phải được quy định trong VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Một TTHC cụ thể được quy định tại các VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh thì phải quy định rõ ràng, cụ thể các bộ phận còn lại của TTHC. Trường hợp TTHC có đơn, tờ khai hành chính thì mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính phải được quy định trong VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Khi được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân cấp hoặc ủy quyền về việc quy định hoặc hướng dẫn quy định về TTHC, Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND cấp tỉnh phải bảo đảm quy định



đầy đủ, hướng dẫn rõ ràng, chi tiết, cụ thể về các bộ phận tạo thành của TTHC theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

c) Về chủ thể trong quan hệ giải quyết TTHC, gồm bên chủ thể giải quyết TTHC và bên đối tượng tham gia TTHC, cụ thể:

- Chủ thể giải quyết TTHC

Chủ thể giải quyết TTHC là cơ quan, người có thẩm quyền được xác định trong các VBQPPL có quy định về TTHC. Đây là các chủ thể bắt buộc trong quan hệ thủ tục hành chính. Có thể chia các chủ thể giải quyết TTHC thành 3 nhóm sau đây:

+ Cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước

Cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước là chủ thể chủ yếu có thẩm quyền trực tiếp giải quyết TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Các chủ thể này chiếm số lượng lớn và mang tính phổ biến trong các quan hệ TTHC.

Ví dụ: hầu hết các thủ tục phê duyệt, đăng ký, xác nhận đều thuộc thẩm quyền giải quyết trực tiếp của các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước.

+ Các tổ chức, người có thẩm quyền được pháp luật cho phép hoặc được Nhà nước trao quyền nhằm cung cấp một hoặc một số dịch vụ hành chính công. Ví dụ: thủ tục công chứng (do các Văn phòng công chứng, công chứng viên thực hiện); thủ tục cấp chứng chỉ công bố hợp quy, hợp chuẩn (do doanh nghiệp hoặc đơn vị hành chính sự nghiệp công lập thực hiện); thủ tục tuyển sinh đại học, cao đẳng (do các trường thực hiện)...

- Đối tượng tham gia TTHC, bao gồm các cá nhân, tổ chức:

+ Cá nhân: có thể là công dân Việt Nam; công dân nước ngoài...

+ Tổ chức: Cơ quan nhà nước; các tổ chức không phải là cơ quan nhà nước được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; các tổ chức nước ngoài được thành lập hợp pháp tại nước ngoài...

Cơ quan nhà nước là chủ thể tham gia TTHC trong trường hợp phải quyết các công việc liên quan đến quyền chủ thể, nghĩa vụ pháp lý như các tổ chức pháp nhân khác, ví dụ: thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thủ tục đăng ký, đăng kiểm xe ô tô...

*Câu hỏi 3. Thủ tục hành chính có vai trò như thế nào trong quản lý hành chính nhà nước và đời sống xã hội?*

**Trả lời:**

Giải thích về thuật ngữ TTHC tại Nghị định số 63/2013/NĐ-CP cho phép chúng ta đánh giá đúng ý nghĩa, vai trò của quy định TTHC trong quản lý hành chính nhà nước, cụ thể:

***Quy định TTHC là một bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện các quy định nội dung***

Trong mối tương quan giữa quy định nội dung và quy định thủ tục của VBQPPL, thì quy định TTHC là một bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện các quy định nội dung. Quy định TTHC là một bộ phận quan trọng của quy phạm pháp luật hành chính, là phương tiện để đưa các quy phạm nội dung của Luật hành chính và một số ngành luật khác vào cuộc sống.

Quy phạm nội dung quy định các nguyên tắc quản lý, thẩm quyền của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức... và quy phạm TTHC chỉ ra cách thức cụ thể để thực hiện các nội dung đó.

Ví dụ: từ quy phạm nội dung về khai sinh: trẻ em có quyền được khai sinh và có quốc tịch; cha mẹ, ông bà, hoặc những người thân thích khác có trách nhiệm đi khai sinh cho trẻ em, pháp luật hộ tịch quy định thủ tục “***Đăng ký khai sinh***” để bảo đảm thực hiện quyền khai sinh của trẻ em...

Các quy phạm TTHC là phương tiện để thực hiện các quy phạm nội dung, thiếu các quy phạm thủ tục thì việc áp dụng quy phạm nội dung sẽ không thống nhất, dễ mất trật tự trong hoạt động quản lý. Thực tế, người dân quan tâm nhiều đến quy định TTHC vì quy định TTHC buộc họ phải biết và chấp hành khi có yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan hành chính giải quyết một công việc hành chính cụ thể liên quan đến quyền, nghĩa vụ của họ. Đây cũng chính lý do để các cơ quan có thẩm quyền đặt ra vấn đề hoàn thiện hệ thống quy phạm TTHC.

***Quy định TTHC trực tiếp liên quan đến việc thực hiện thẩm quyền của các chủ thể quản lý hành chính nhà nước và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức***

Mỗi một quy định TTHC đều có sự hiện hữu của hai nhóm chủ thể: cơ quan có thẩm quyền giải quyết và cá nhân, tổ chức tham gia. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết được quyền nhân danh nhà nước buộc đối tượng tham gia phải tuân thủ quy định pháp luật, quy định TTHC ... (tính chất mệnh lệnh phục

tùng, bất bình đẳng trong quan hệ). Vì tính chất này mà khi triển khai thực hiện TTHC rất dễ dẫn đến tình trạng nhũng nhiễu, ban phát, “xin – cho”... nhất là khi các quy định TTHC không đảm bảo rõ ràng, còn mập mờ, khó hiểu hoặc thiếu hợp lý, không phù hợp với thực tiễn cuộc sống...

Có thể khẳng định quy định TTHC là một hiện hữu thực tế để minh chứng về giá trị hiệu lực của quy định pháp luật với đời sống dân sinh, phản ánh sống động về ý thức tuân thủ pháp luật và niềm tin của người dân đối với các cấp chính quyền.

***Quy định TTHC chuẩn mực là cơ sở để đảm bảo chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý hành chính nhà nước***

Thông qua quy định TTHC chuẩn mực, cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức có thẩm quyền và các tổ chức, cá nhân ở khu vực ngoài nhà nước có thể kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước; đồng thời thúc đẩy quá trình giải quyết công việc nhanh chóng, chính xác theo đúng pháp luật, góp phần chống tham nhũng, sách nhiễu nhân dân.

***Quy định TTHC là biểu hiện trình độ văn minh trong tổ chức, điều hành hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước. Do đó, TTHC chính là chất keo kết dính mọi yếu tố và sự vận hành của nền hành chính.***

Chất lượng và hiệu quả của TTHC liên quan đến chất lượng và hiệu quả giải quyết công việc của cơ quan hành chính nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước, biểu hiện cụ thể qua các tiêu chí: giải quyết đúng quy định, giải quyết trong thời gian ngắn nhất (nhanh chóng, kịp thời) và mang lại sự hài lòng cho cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải quyết TTHC.

***Quy định TTHC có ảnh hưởng, tác động lớn đến các hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế và thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam***

Giao lưu, hợp tác quốc tế và đầu tư nước ngoài có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội. Trong xu thế liên kết, hội nhập, phân công lao động quốc tế, đầu tư nước ngoài nói chung và đầu tư trực tiếp nước ngoài nói riêng đang trở thành xu hướng của thời đại, được nhiều quốc gia sử dụng như một chính sách lâu dài, ổn định. Đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, thì hợp tác kinh tế quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài là con đường tốt nhất để rút ngắn sự tụt hậu so với các nước khác và có điều kiện để phát huy những lợi thế so sánh của mình trong phân công lao động và hợp tác quốc tế.

Trước nhu cầu đó, vai trò trọng tâm, có tính chất quyết định nằm ở chính hệ thống luật pháp nói chung và quy định TTHC nói riêng. Bởi vì hệ thống luật pháp và quy định TTHC thân thiện, phù hợp chính là yếu tố quan trọng để thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài, dòng vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

***Cải cách TTHC là nhiệm vụ cấp thiết, khó khăn, lâu dài và thường xuyên***

TTHC là biểu hiện cụ thể của quản lý hành chính nhà nước và có liên quan trực tiếp đến thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước. Mục tiêu cải cách TTHC là đúng đắn, cần thiết nhưng việc thực hiện thì không đơn giản, vì đề xuất cắt giảm thủ tục, hay yêu cầu cải tiến quy định thủ tục theo hướng tạo thuận lợi tối đa cho người dân, tổ chức, tăng cường chức năng phục vụ, “công bộc” của phía cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước hoặc phân tích, chỉ ra những hạn chế, bất cập của quy định thủ tục .... không phải lúc nào, bao giờ cũng dễ được cơ quan quản lý, cơ quan chủ trì soạn thảo chấp nhận, đồng tình. Tuy nhiên, đấu tranh với cái cũ, thực hiện những cái mới để xã hội phát triển, để bộ máy hành chính nhà nước ngày càng phát huy tính hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, vận hành luôn là đòi hỏi, thách thức của nhiệm vụ cải cách TTHC.

*Tóm lại*, TTHC là một bộ phận quan trọng của VBQPPL, là bảo đảm pháp lý cho việc thực hiện các quy phạm nội dung; quy định TTHC là một hiện hữu thực tế để minh chứng về tính hiệu lực, hiệu quả của quy định pháp luật hành chính với đời sống kinh tế - xã hội, đồng thời phản ánh sống động về ý thức tuân thủ pháp luật và niềm tin của người dân đối với các cấp chính quyền; quy định TTHC chuẩn mực là cơ sở để đảm bảo chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. TTHC có ý nghĩa quan trọng trong quản lý hành chính nhà nước và đời sống xã hội; nếu không thực hiện TTHC thì quyền lợi, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức cũng như nội dung chính sách có liên quan sẽ cơ bản chỉ trên “giấy tờ”, khó đi vào cuộc sống. Vì vậy, việc kiểm soát chất lượng quy định TTHC ngay từ khâu soạn thảo cũng như việc kiểm soát quá trình thực hiện sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với việc nâng cao chất lượng VBQPPL và việc triển khai thực hiện TTHC nói riêng, thi hành pháp luật nói chung.

***Câu hỏi 4.*** *Khi tiếp nhận hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để tham gia ý kiến hoặc tham gia thẩm định về quy định thủ tục hành chính, khâu quan trọng nhất và khó nhất là xác định được đúng, đủ các quy định về thủ tục hành chính. Vậy có dấu hiệu nào giúp xác định được quy định TTHC có trong dự án, dự thảo VBQPPL?*

## **Trả lời:**

Có thể dựa trên các dấu hiệu cơ bản sau đây để xác định TTHC tại các dự án, dự thảo VBQPPL:

*Thứ nhất*, quy định TTHC được thể hiện dưới dạng hành động của cơ quan hành chính nhà nước khi giải quyết một công việc cụ thể cho các cá nhân, tổ chức.

- Quy định dưới dạng hành động “cho phép” mang tính chủ động của phía cơ quan hành chính nhà nước đối với việc thực hiện các quyền/nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho cá nhân, tổ chức, như:

[Cấp/Phê duyệt/Chứng nhận/Thẩm định/Thẩm tra/Chấp thuận/Xác nhận/Bổ nhiệm...] + [Kết quả thực hiện] hoặc [Danh từ/Cụm từ mô tả sự vật/sự việc liên quan đến quyền/nghĩa vụ của đối tượng thực hiện]

Ví dụ: “Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”; “Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu”; “Cấp giấy phép khai thác thủy sản”; “Cấp sổ Bảo hiểm xã hội đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc”, “Phê duyệt chương trình xúc tiến thương mại quốc gia”; “Cấp lại thẻ kiểm tra viên điện lực”; “Chứng nhận VIETGAP cho rau, quả và chè an toàn”, “Chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài”, “Xác nhận chuyên gia”, “Bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý”..v.v...

- Hoặc quy định về hành động cụ thể của phía cá nhân, tổ chức để mong được cơ quan có thẩm quyền quản lý hành chính nhà nước giải quyết công việc cho mình, như:

[Đề nghị/Đăng ký/Thông báo...] + [Danh từ/Cụm từ mô tả sự vật/sự việc mà đối tượng thực hiện mong muốn đạt được]

Ví dụ: “Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán”, “Đề nghị tham gia làm Cộng tác viên trợ giúp pháp lý”, “Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý”, “Đăng ký giá”; “Đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài”; “Thông báo khi người nước ngoài đến chào bán dịch vụ”, “Thông báo tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh”...

*Thứ hai*, bắt buộc một bên trong quan hệ TTHC phải là cơ quan hành chính nhà nước được sử dụng quyền lực nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức được

nhà nước ủy quyền, trao quyền giải quyết công việc cụ thể cho cá nhân, tổ chức.

Để xác định quy định TTHC dựa trên dấu hiệu này, chúng ta phải nắm vững hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước; đồng thời phải xác định được nhiệm vụ cụ thể có sử dụng quyền lực nhà nước của cơ quan này trong giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức. Nghĩa là cơ quan nêu trên phải luôn luôn sử dụng thẩm quyền – quyền lực của Nhà nước trong giải quyết TTHC; được nhân danh nhà nước để áp đặt ý chí của mình lên người bị quản lí. Đây là đặc điểm quan trọng, vì có những trường hợp cũng là cơ quan hành chính nhà nước trong quan hệ với cá nhân, tổ chức nhưng cơ quan này không sử dụng quyền lực nhà nước, ví dụ: mua sắm trang thiết bị cho hoạt động của cơ quan, hoặc thuê đường truyền kết nối Internet trực tuyến...

Bên tổ chức, cá nhân tham gia trong quan hệ thủ tục là đối tượng bị chi phối bởi quyền lực nhà nước của cơ quan hành chính. Họ là đối tượng phục tùng quyền lực nhà nước khi tham gia vào TTHC, họ chỉ có quyền đề nghị hoặc làm theo yêu cầu của cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền.

*Thứ ba*, quy định TTHC thể hiện trật tự tiến hành các hoạt động cụ thể trong giải quyết công việc của quản lý hành chính nhà nước.

Trong dự án, dự thảo VBQPPL, trật tự tiến hành các hoạt động giải quyết công việc của quản lý hành chính nhà nước thường được thể hiện thông qua các quy định hoặc một số quy định, như: yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục, hồ sơ, trình tự thực hiện...

*Câu hỏi 5. Làm thế nào để xác định thủ tục hành chính thuộc phạm vi của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP?*

**Trả lời:**

TTHC theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP là những thủ tục mang tính chất phổ biến có liên quan đến các tổ chức, cá nhân. Để phân biệt TTHC trong phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP với các TTHC khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP có thể thông qua các yếu tố sau đây:

a) TTHC thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP được chứa đựng trong các VBQPPL do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành để thiết lập, xác lập các hoạt động quản lý hành chính nhà nước nhằm bảo đảm thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân.

Một trong các yếu tố hết sức quan trọng giúp nhận diện TTHC theo phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, đó là việc xác định để loại trừ các TTHC sau đây:

+ TTHC trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức;

+ Thủ tục xử lý vi phạm hành chính;

+ Thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

b) Trong quan hệ TTHC luôn luôn có một bên chủ thể bắt buộc là cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức hành chính nhà nước hoặc một số cơ quan, tổ chức không phải là cơ quan hành chính nhà nước nhưng được Nhà nước trao quyền cụ thể tại các VBQPPL. Các chủ thể này có quyền nhân danh Nhà nước để tiến hành các TTHC phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Và một bên chủ thể không sử dụng quyền lực nhà nước mà phục tùng quyền lực nhà nước khi tham gia TTHC - đó chính là các tổ chức, cá nhân.

c) TTHC phải nhằm bảo đảm giải quyết một công việc cụ thể. Đó là những công việc mang tính chất sự vụ, liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của một, một số cá nhân, tổ chức trong xã hội. Ví dụ: thủ tục khai sinh, khai tử, xác nhận con nuôi; thủ tục thành lập doanh nghiệp, đăng ký quyền sử dụng đất...

Như vậy, những TTHC chỉ liên quan đến việc thực hiện các hoạt động tổ chức - tác nghiệp cụ thể, thường xuyên trong nội bộ của các cơ quan nhà nước, cơ quan hành chính nhà nước thì không phải là TTHC theo phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Ví dụ: *trong Quy chế làm việc của CP có quy định về quy trình xử lý hồ sơ dự án, dự thảo văn bản QPPL, dự thảo kế hoạch, chương trình hoạt động của Chính phủ...; trong Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư có quy định về thủ tục văn thư hoặc trong Luật Ban hành VBQPPL năm 2008 có quy định các thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL...* Các thủ tục đó đều có dấu hiệu của TTHC nhưng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP bởi vì không trực tiếp liên quan đến việc giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân.

Ngoài ra, cùng một nội dung vấn đề nhưng có trường hợp được xác định là TTHC, có trường hợp lại xác định là thủ tục tổ tụng và phải giải quyết theo

con đường tố tụng. Có thể xem xét ví dụ cụ thể sau đây đối với thủ tục “xác nhận cha, mẹ cho con”:

Trong trường hợp, người con muốn nhận là con của người cha đã mất hoặc người mẹ/người cha sinh con ngoài giá thú muốn làm thủ tục nhận cha, mẹ, con, sẽ xảy ra hai tình huống:

- Nếu việc đề nghị xác nhận cha, mẹ, con là tự nguyện và không có tranh chấp, thì thủ tục đó được xác định là TTHC (thủ tục đăng ký việc nhận cha, mẹ, con quy định tại Mục 6, Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về đăng ký và quản lý hộ tịch) và được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.

- Nếu có tranh chấp xảy ra trong trường hợp nêu trên, thì việc thực hiện phải theo quy định về thủ tục tố tụng tại Tòa án và đương sự làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền để đề nghị xác định cha, mẹ, con.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

*Câu hỏi 6. Thông tư số 07/2014/TT-BTP có quy định về hai loại việc: đánh giá tác động của TTHC và Rà soát, đánh giá TTHC. Vậy việc đánh giá tác động của TTHC khác gì với việc rà soát, đánh giá TTHC?*

### **Trả lời:**

***Đánh giá tác động của thủ tục hành chính*** được hiểu là việc nghiên cứu, xem xét về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của TTHC cũng như tính các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện TTHC dự kiến ban hành để cân nhắc, lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung TTHC.

***Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính*** được hiểu là việc thống kê, tập hợp, đánh giá các TTHC tại các VBQPPL hiện hành nhằm phát hiện để kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

Như vậy, sự khác nhau giữa việc đánh giá tác động của TTHC với việc rà soát, đánh giá TTHC nằm ở đối tượng xem xét và kết quả của hoạt động, cụ thể:

- Nếu như đối tượng của việc đánh giá tác động TTHC là các TTHC dự kiến ban hành (TTHC tại các dự án, dự thảo VBQPPL), thì đối tượng của hoạt



động rà soát, đánh giá TTHC là các TTHC đang có hiệu lực thi hành (TTHC tại các VBQPPL hiện hành).

- Kết quả của hoạt động đánh giá tác động TTHC là lựa chọn giải pháp tối ưu để quyết định việc ban hành hay không ban hành TTHC, và khi đã quyết định về sự cần thiết ban hành TTHC thì lựa chọn cách thể hiện như thế nào cho hợp lý, khoa học và hiệu quả. Còn kết quả của hoạt động rà soát, đánh giá TTHC là đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC với các giải pháp cụ thể như: cắt bỏ TTHC, sửa đổi, hoặc bổ sung, hoặc thay thế TTHC tại các VBQPPL hiện hành.

*Câu hỏi 7. Mục đích, ý nghĩa của việc đánh giá tác động quy định về TTHC như thế nào?*

**Trả lời:**

Việc đánh giá tác động các quy định về TTHC giúp cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL thuyết minh và có đủ luận chứng để lý giải với các cấp có thẩm quyền và với xã hội về sự cần thiết của TTHC dự kiến ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung.

Thông qua việc đánh giá tác động về quy định TTHC, cơ quan chủ trì soạn thảo xác định rõ những vấn đề cần giải quyết và cân nhắc lựa chọn giữa các giải pháp khác nhau để tìm ra được giải pháp hợp lý nhất, hiệu quả nhất với chi phí tuân thủ thấp nhất nhằm tiết kiệm tối đa về thời gian, công sức cho các đối tượng thực hiện TTHC; đồng thời bảo đảm tuân thủ nghiêm các cam kết của Việt Nam với quốc tế.

Việc đánh giá tác động quy định về TTHC sẽ giúp các cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL xây dựng được các quy định về TTHC chất lượng, đạt chuẩn mực theo các tiêu chí sau:

- **Cần thiết:** tiêu chí này giúp cơ quan chủ trì soạn thảo chứng minh việc ban hành TTHC là cần thiết với các mục tiêu giải quyết cụ thể trên cơ sở cân nhắc lựa chọn từ các giải pháp khác nhau.

- **Hợp lý:** tiêu chí này giúp cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình được vai trò, mục đích của từng bộ phận, thành phần nhỏ nhất của quy định TTHC, bảo đảm rõ ràng, cụ thể, không chồng chéo, trùng lặp trong quy định; đồng thời phù hợp với trình độ phát triển kinh tế xã hội, trình độ quản lý của cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết TTHC.

- **Hợp pháp:** tiêu chí này bảo đảm TTHC được quy định đúng thẩm quyền, đúng hình thức và thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

- **Hiệu quả:** tiêu chí này đặt ra yêu cầu khi quy định TTHC, cơ quan chủ trì soạn thảo phải cân nhắc về chi phí tuân thủ TTHC, số lần thực hiện TTHC trong một năm và số lượng đối tượng tuân thủ để bảo đảm chi phí tuân thủ của cá nhân, tổ chức ở mức độ thấp nhất, được hưởng lợi nhiều nhất.

***Câu hỏi 8.** Cơ quan nào có trách nhiệm đánh giá tác động của quy định TTHC? Liệu có thể giao cho công chức đầu mối làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại các đơn vị thực hiện đánh giá tác động của quy định TTHC được không?*

**Trả lời:**

Việc đánh giá tác động của TTHC là trách nhiệm của các cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL có quy định về TTHC. Công chức nào được giao chủ trì soạn thảo VBQPPL có quy định về TTHC thì công chức đó chịu trách nhiệm ĐGTD về thủ tục hành chính.

Công chức đầu mối làm công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị được giao trực tiếp soạn thảo VBQPPL có thể thực hiện ĐGTD của quy định TTHC, nhưng để đảm bảo khách quan, có chất lượng tốt trong kết quả ĐGTD thì không nên giao phó cho một cá nhân thực hiện mà phải trao đổi, thảo luận nhóm, thậm chí phải khảo sát, so sánh, đánh giá, đề xuất giải pháp trên cơ sở thực tiễn. Có như vậy, kết quả ĐGTD của quy định TTHC mới thực sự đạt chất lượng, phục vụ thiết thực cho việc thiết kế, soạn thảo, hoàn thiện về quy định TTHC.

***Câu hỏi 9.** Việc đánh giá tác động của TTHC thực hiện tại thời điểm nào vì theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013) và Thông tư số 07/2014/TT-BTP, Cơ quan chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến góp ý và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo VBQPPL có quy định TTHC. Như vậy: Cơ quan chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến góp ý trước rồi mới tổ chức đánh giá tác động và gửi hồ sơ thẩm định?*

**Trả lời:**

Thời điểm để thực hiện việc ĐGTD của TTHC được tiến hành ngay từ khi Cơ quan chủ trì soạn thảo tiến hành xây dựng VBQPPL và phải đảm bảo hoàn thành trước khi gửi hồ sơ dự án, dự thảo VBQPPL đến Bộ Tư pháp, Tổ chức pháp chế thuộc Bộ, cơ quan, Sở Tư pháp để thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Như vậy, Cơ quan chủ trì soạn thảo phải tổ chức đánh giá tác động ngay từ khi bắt đầu xây dựng VBQPPL, chứ không phải chờ gửi dự án, dự thảo để lấy ý kiến góp ý trước rồi mới thực hiện việc ĐGTĐ TTHC.

**Câu hỏi 10.** *Khi gửi hồ sơ dự án, dự thảo văn bản để lấy ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị có chức năng kiểm soát thủ tục hành chính theo Điều 7, 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP thì có bắt buộc phải có bản ĐGTĐ của quy định TTHC trong hồ sơ dự án, dự thảo hay không?*

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 48/2013/NĐ-CP thì bản ĐGTĐ của quy định TTHC chỉ bắt buộc phải gửi khi thực hiện lấy ý kiến thẩm định của cơ quan tư pháp về dự án, dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC.

**Câu hỏi 11.** *Việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính được thực hiện như thế nào?*

**Trả lời:**

Trên cơ sở nội dung quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9 của Thông tư số 07/2014/TT-BTP, Cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL có quy định về TTHC sử dụng các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP để đánh giá về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và tính hiệu quả (chi phí tuân thủ) của từng TTHC có trong dự án, dự thảo VBQPPL.

Trong quá trình đánh giá tác động, nếu TTHC được xác định là không cần thiết thì Cơ quan chủ trì soạn thảo ngừng việc đánh giá tác động của TTHC đó và không quy định TTHC đó trong dự án, dự thảo VBQPPL.

Nếu TTHC được xác định là cần thiết thì tiếp tục đánh giá về các tiêu chí: hợp lý, hợp pháp và hiệu quả. Căn cứ kết quả đánh giá, Cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa, hoàn thiện quy định về TTHC nhằm bảo đảm TTHC tại dự án, dự thảo văn bản thực sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và có chi phí tuân thủ thấp nhất.

Sau khi ĐGTĐ của TTHC, cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp kết quả đánh giá vào nội dung Báo cáo ĐGTĐ của dự án, dự thảo VBQPPL.

Đối với dự thảo Thông tư, Thông tư liên tịch, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quy định về TTHC, cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp kết quả ĐGTD của TTHC thành báo cáo riêng.

***Câu hỏi 12.** Đánh giá tác động của quy định TTHC thực hiện theo các tiêu chí nào? Có xác định mức độ quan trọng và ưu tiên của các tiêu chí đánh giá hay không? Dựa trên các tiêu chí nào để xác định một TTHC đạt chất lượng tốt?*

**Trả lời:**

Việc ĐGTD của quy định TTHC được thực hiện trên cơ sở 04 tiêu chí: sự cần thiết của TTHC; tính hợp lý của TTHC; tính hợp pháp của TTHC và tính hiệu quả của TTHC. Trong 04 tiêu chí nêu trên, thì tiêu chí về sự cần thiết của TTHC là tiêu chí quan trọng nhất. Cơ quan chủ trì soạn thảo khi thực hiện ĐGTD của quy định TTHC cần tập trung ưu tiên cho việc đánh giá về tiêu chí này. Bởi vì, nếu có đủ các nội dung để xác định TTHC đó không cần thiết, thì Cơ quan chủ trì soạn thảo ngừng việc ĐGTD đối với TTHC đó và không quy định TTHC đó trong dự án, dự thảo VBQPPL. Cũng xuất phát từ mức độ quan trọng của tiêu chí về sự cần thiết của TTHC, cho nên, nội dung về tiêu chí này đã được thiết kế thành một phần riêng trong biểu mẫu ĐGTD.

Nội dung xác định sự cần thiết của quy định TTHC, gồm:

- TTHC đó không đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực nhất định.
- TTHC đó không/chưa bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
- TTHC đó chưa phải là biện pháp tối ưu trong các biện pháp có thể được thực hiện để bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và bảo đảm quyền, nghĩa vụ hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

***Câu hỏi 13.** Đối với các TTHC liên thông thì Cơ quan nào chịu trách nhiệm đánh giá tác động?*

**Trả lời:**

Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP quy định “Cơ quan được phân công chủ trì soạn thảo VBQPPL có quy định về TTHC phải tổ chức đánh giá tác động của quy định về TTHC”.

Do đó, đối với các TTHC thực hiện theo cơ chế liên thông thì Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo VBQPPL sẽ thực hiện việc đánh giá tác động của TTHC liên thông đó.

***Câu hỏi 14.** Theo khoản 4 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP thì UBND cấp tỉnh không được ban hành mẫu đơn, tờ khai. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức thực hiện TTHC thống nhất tại địa phương và phù hợp với phong tục, tập quán, ngôn ngữ tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thấy cần thiết được ban hành mẫu đơn. Vậy, cách giải quyết trong trường hợp trên như thế nào?*

**Trả lời:**

Quy định tại Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP áp dụng đối với trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về các bộ phận còn lại của TTHC mà TTHC đó đã được xác định tại các VBQPPL có giá trị pháp lý cao hơn. Và để khắc phục thực trạng thiếu thống nhất trong thực hiện TTHC giữa các địa phương, Chính phủ đã chủ trương phân định: về cơ bản mẫu đơn, tờ khai phải được quy định trong các VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Còn đối với trường hợp khi được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phân cấp hoặc ủy quyền quy định chi tiết về TTHC, Bộ, Cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào nhiệm vụ được giao phải bảo đảm quy định đầy đủ, hướng dẫn rõ ràng, chi tiết, cụ thể về các bộ phận tạo thành của TTHC theo quy định, trong đó có mẫu đơn, tờ khai để thực hiện TTHC (Khoản 5, Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP).

Như vậy, nếu thấy cần thiết ban hành mẫu đơn để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức thực hiện TTHC thống nhất tại địa phương và phù hợp với phong tục, tập quán, ngôn ngữ của địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Khi đã có cơ sở pháp lý do cấp trên giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mới được ban hành mẫu đơn để tổ chức thực hiện tại địa phương.

***Câu hỏi 15.** Các yêu cầu cơ bản trong việc đánh giá tác động của quy định TTHC? Thực tế hiện nay, công tác đánh giá tác động về quy định TTHC tại nhiều cơ quan chủ trì soạn thảo chưa được quan tâm thực hiện; một số cơ quan còn thực hiện mang tính hình thức, chất lượng chưa cao, chưa phục vụ trực tiếp cho việc thiết kế, soạn thảo quy định về thủ tục hành chính. Vậy nguyên nhân do đâu? Khắc phục như thế nào?*

**Trả lời:**

1. Yêu cầu cơ bản trong việc ĐGTĐ của quy định TTHC, bao gồm:

*Thứ nhất*, tổ chức thực hiện ĐGTĐ của quy định TTHC ngay khi bắt đầu xây dựng VBQPPL có quy định TTHC;

*Thứ hai*, đối với việc trả lời các câu hỏi tại biểu mẫu ĐGTĐ:

- Việc trả lời các câu hỏi tại biểu mẫu ĐGTĐ phải giúp cho cơ quan chủ trì soạn thảo chứng minh quy định TTHC là cần thiết, hợp lý, hợp pháp nhằm thực hiện mục tiêu quản lý của nhà nước, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của cá nhân, tổ chức.

- Việc trả lời các câu hỏi tại biểu mẫu ĐGTĐ phải đảm bảo đầy đủ và khách quan.

- Việc trả lời các câu hỏi tại biểu mẫu tính chi phí tuân thủ phải giúp cho cơ quan chủ trì soạn thảo chứng minh được tính hiệu quả của quy định TTHC với chi phí thấp nhất và tạo thuận lợi tối đa cho đối tượng tuân thủ TTHC.

*Thứ ba*, trong nội dung ĐGTĐ, cơ quan chủ trì soạn thảo cần phải đưa ra nhiều phương án khác nhau; trên cơ sở đó, thực hiện so sánh, phân tích, nhận định để lựa chọn phương án tối ưu, cần thiết và hợp lý nhất; đồng thời thể hiện quy định đó trong dự án, dự thảo VBQPPL.

2. Hiện nay, công tác ĐGTĐ của quy định TTHC tại nhiều cơ quan chủ trì soạn thảo chưa được quan tâm thực hiện; một số cơ quan còn thực hiện mang tính hình thức, chất lượng chưa cao, chưa phục vụ trực tiếp cho việc thiết kế, soạn thảo quy định TTHC, thậm chí nhiều văn bản có quy định TTHC nhưng không được ĐGTĐ. Đó là một thực tế cần phải đề xuất giải pháp để kịp thời khắc phục.

Qua theo dõi tình hình thực hiện ĐGTĐ của TTHC, có thể xác định nguyên nhân dẫn đến tình trạng nêu trên là do: một số cán bộ, công chức chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác cải cách TTHC nói chung và ĐGTĐ quy định TTHC nói riêng; việc tổ chức triển khai thực hiện chưa nghiêm túc; nghiệp vụ về kiểm soát TTHC của một số cán bộ đầu mối còn hạn chế; kinh phí bố trí để thực hiện kiểm soát TTHC chưa được bảo đảm kịp thời; bên cạnh đó, có thể nói, nội dung biểu ĐGTĐ vẫn còn quá chi tiết với rất nhiều yêu cầu cần xử lý...

Để khắc phục tình trạng chưa nghiêm túc trong thực hiện ĐGTĐ, các cơ quan thực hiện nên tập trung vào một số giải pháp sau:

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp nói chung, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo VBQPPL nói riêng đối với công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, đặc biệt là việc ĐGTĐ của quy định TTHC;

- Bổ sung nhiệm vụ ĐGTĐ quy định TTHC trong quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL để đảm bảo thực hiện thống nhất, nghiêm túc;

- Phân bổ thời gian, nguồn lực hợp lý để đảm bảo chất lượng của việc ĐGTĐ quy định TTHC;

- Đào tạo, nâng cao năng lực của cán bộ, công chức làm công tác phân tích chính sách pháp luật nói chung, ĐGTĐ quy định TTHC nói riêng đảm bảo chuyên nghiệp, hiệu quả;

- Tiếp tục đánh giá, hoàn thiện biểu ĐGTĐ của quy định TTHC để khuyến khích sự chú ý, tập trung suy nghĩ, trả lời sâu sắc của những người sẽ sử dụng biểu mẫu; đồng thời nghiên cứu để đơn giản hơn nữa về nội dung ĐGTĐ.

***Câu hỏi 16.** Có phải mọi trường hợp sửa đổi, bổ sung quy định thủ tục hành chính tại VBQPPL thì đều phải đánh giá tác động của quy định thủ tục đó? sử dụng biểu mẫu nào để đánh giá tác động trong trường hợp này?*

**Trả lời:**

Không phải mọi trường hợp sửa đổi, bổ sung quy định TTHC tại VBQPPL thì đều phải ĐGTĐ của quy định đó. Việc ĐGTĐ quy định TTHC chỉ thực hiện khi nội dung đó không xuất phát từ kết quả của hoạt động rà soát, đánh giá TTHC và các phương án đơn giản hóa TTHC theo các quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Trong trường hợp ĐGTĐ của quy định TTHC cần sửa đổi, bổ sung (nêu trên), Cơ quan chủ trì soạn thảo sử dụng biểu mẫu 01B/ĐG-KSTT tại Phụ lục II, Thông tư số 07/2014/TT-BTP để ĐGTĐ.

***Câu hỏi 17.** Làm thế nào để đo lường và kiểm soát được chất lượng đánh giá tác động của quy định thủ tục hành chính?*

**Trả lời:**

Đề đo lường và kiểm soát được chất lượng ĐGTD của quy định TTHC thì trước hết phải nắm vững yêu cầu, kỹ năng ĐGTD theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP. Có thể tham khảo một số kinh nghiệm sau đây:

- Kiểm tra kỹ hồ sơ đề nghị phối hợp thẩm định

Theo quy định tại Điều 11 sửa đổi ở Nghị định 48/2013/NĐ-CP, bắt buộc trong hồ sơ gửi thẩm định phải có bản ĐGTD. Do đó, người thẩm định quy định TTHC phải kiểm tra xem hồ sơ dự án, dự thảo VBQPPL đã kèm theo biểu ĐGTD hay chưa? nếu chưa có, người thẩm định quy định TTHC phải thông tin ngay với chuyên viên được đơn vị chủ trì thẩm định phân công chuẩn bị nội dung thẩm định; đồng thời, soạn văn bản báo cáo Lãnh đạo Phòng và Lãnh đạo Cục để chính thức đề nghị đơn vị chủ trì thẩm định yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung biểu ĐGTD.

- Kiểm soát bản ĐGTD quy định TTHC:

+ Kiểm tra, đối chiếu giữa số lượng quy định TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL đang xem xét, đánh giá với các biểu ĐGTD để xác định mỗi một quy định TTHC có được xây dựng trên cơ sở ĐGTD đó hay không?

+ Kiểm tra, soát xét kỹ nội dung từng biểu ĐGTD xem chất lượng của các biểu đã đạt yêu cầu hay chưa? cơ quan chủ trì soạn thảo ĐGTD để phục vụ quy định hay đánh giá mang tính hình thức, chiếu lệ.

+ Mỗi quy định TTHC có được tính toán chi phí tuân thủ TTHC không?

*Câu hỏi 18. Theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP thì TTHC được quy định trong VBQPPL của Trung ương, quyết định của UBND tỉnh. Vậy, đối với TTHC được quy định trong nghị quyết của HĐND tỉnh thì có phải đánh giá tác động của quy định TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP không?*

**Trả lời:**

Theo Luật Ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004 thì nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là VBQPPL. Trong trường hợp, cơ quan cấp trên giao cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết một hoặc một vài nội dung của VBQPPL mà nội dung đó có TTHC thuộc phạm vi của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP thì cơ quan chủ trì soạn thảo vẫn phải thực hiện ĐGTD của quy định TTHC đó. Việc ĐGTD được thực hiện theo



quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Thông tư số 07/2014/TT-BTP.

**Câu hỏi 19.** Trong quy trình ĐGTD nêu ở Điều 5 Thông tư số 07/2014/TT-BTP, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo các bước:

- ĐGTD (sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ TTHC) theo các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP;

- Hoàn thiện các quy định TTHC;

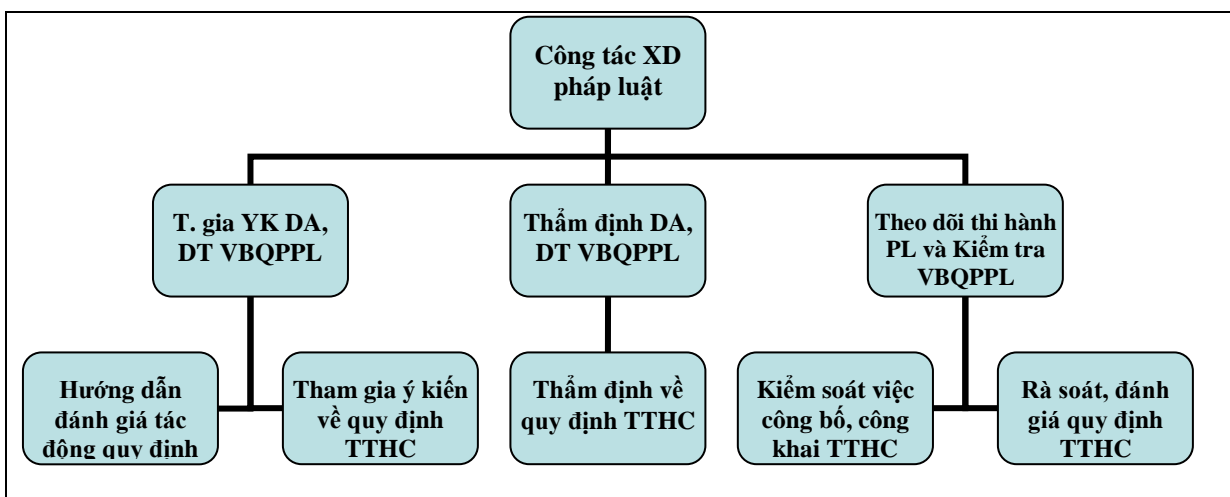
- Tổng hợp kết quả ĐGTD (Báo cáo ĐGTD quy định TTHC).

Vậy trong quy trình này, Phòng Kiểm soát TTHC tham gia hướng dẫn đơn đốc như thế nào? thời điểm tham gia (Sau khi điền các mẫu ĐGTD hay sau khi có báo cáo ĐGTD)? Khi hồ sơ dự án, dự thảo VBQPPL được gửi đến để thẩm định về quy định TTHC, Phòng Kiểm soát TTHC có tham gia kiểm soát chất lượng báo cáo ĐGTD và các biểu ĐGTD thêm nữa hay không?

### **Trả lời:**

Xuất phát từ mối quan hệ gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động kiểm soát TTHC với công tác xây dựng pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật và kiểm tra VBQPPL, các Phòng Kiểm soát TTHC phải xác định việc theo dõi, quản lý, tham gia trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL và tổ chức thực thi pháp luật là công việc thường xuyên.

**Sơ đồ mô tả mối quan hệ gắn kết trong công tác xây dựng pháp luật:**



Do đó, trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình xây dựng pháp luật, nếu các cơ quan có liên quan đề nghị tham gia hoặc đề nghị giải thích, hướng dẫn

thì cán bộ, công chức công tác tại các Phòng Kiểm soát TTHC đều có trách nhiệm tham gia, giải thích hoặc hướng dẫn thực hiện.

***Câu hỏi 20.** Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính và việc tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính là gì? việc tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính có mục đích, ý nghĩa gì?*

**Trả lời:**

Chi phí tuân thủ TTHC là chi phí mà cá nhân, tổ chức phải gánh chịu để tuân thủ các quy định của một TTHC nhất định.

Tính toán chi phí tuân thủ TTHC là việc lượng hóa các chi phí về thời gian, chi phí vật chất mà cá nhân, tổ chức bỏ ra để thực hiện TTHC.

Mục đích, ý nghĩa của việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC nhằm lượng hóa cụ thể các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra để tuân thủ quy định về TTHC; trên cơ sở đó, tìm, xác định và lựa chọn giải pháp hiệu quả nhất, thiết thực nhất theo hướng giảm gánh nặng hành chính tối đa cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

***Câu hỏi 21.** Để tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cần phải xác định các thành phần gì? phương pháp xác định như thế nào?*

**Trả lời:**

Để tính toán chi phí tuân thủ TTHC phải xác định được 05 thành phần sau đây:

- (1) Xác định chi phí đối với từng công việc khi thực hiện TTHC;
- (2) Xác định thời gian thực hiện TTHC (T);
- (3) Xác định mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc (TNBQ);
- (4) Xác định số lần thực hiện TTHC theo quy định trong 01 năm (P);
- (5) Xác định số lượng đối tượng tuân thủ trong 01 năm (SL).

Phương pháp xác định như sau:

**Thứ nhất, xác định chi phí đối với từng công việc khi thực hiện thủ tục hành chính**

Công việc để thực hiện 01 TTHC thông thường bao gồm: Chuẩn bị hồ sơ; Nộp hồ sơ/Nhận kết quả; Nộp phí, lệ phí (nếu có); Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). Do đó, khi tính toán chi phí tuân thủ TTHC sẽ phải xác định chi phí đối với từng loại việc nêu trên.

**a) Đối với việc chuẩn bị hồ sơ:**

Các hoạt động cụ thể liên quan đến chuẩn bị hồ sơ bao gồm: Cá nhân, tổ chức tự chuẩn bị hoặc phải thông qua các cá nhân, tổ chức khác của pháp luật như thuê tư vấn, dịch vụ (in ấn, sao chụp, chứng thực, công chứng, kiểm định,...) để hoàn thiện từng thành phần hồ sơ theo quy định.

Chi phí cho việc hoàn thành từng thành phần hồ sơ ( $C_{HS}$ ) được tính như sau:

- Trường hợp tự thực hiện:

$C_{HS}$  = Thời gian (trung bình 1 giờ/1 trang, kết hợp với định mức vùng miền) nhân (x) với mức thu nhập bình quân/1 giờ làm việc cộng (+) với chi phí in ấn (nếu có).

- Trường hợp phải thông qua tư vấn, dịch vụ:

$C_{DVHS}$  = Mức giá hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc theo thực tế.

*Ví dụ: Giả sử, một cá nhân tại khu vực đô thị làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xây dựng đối với công trình dân dụng cấp IV có chi phí xây dựng 1 tỷ đồng thì chi phí để thực hiện TTHC này được xác định như sau:*

*Đối với TTHC này, chi phí trong việc chuẩn bị hồ sơ sẽ được tính như sau:*

*+ Chi phí của việc làm đơn được tính bằng thời gian (trung bình 1 giờ/ 1 trang, kết hợp với định mức vùng miền) nhân (x) với mức thu nhập bình quân/ 1 giờ làm việc cộng (+) với chi phí in ấn (nếu có).*

$$C_{HS1} = (1.0 \text{ giờ} \times 2 \text{ trang} \times 17.310 \text{ đ}) + 1.000 \text{ đ} = 35.620 \text{ đ.}$$

*+ Chi phí để có bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tính bằng thời gian đi lại (trung bình 1 giờ/1 lượt, kết hợp với định mức vùng, miền) nhân (x) với mức thu nhập bình quân/1 giờ làm việc cộng (+) với lệ phí chứng thực (theo quy định).*

**b) Đối với việc nộp hồ sơ/nhận kết quả**

Các công việc cụ thể liên quan đến nộp hồ sơ bao gồm: Cá nhân, tổ chức tùy theo quy định và lựa chọn các cách thức nộp hồ sơ/ nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở cơ quan nhà nước ( $C_{NHS/NKQ TT}$ ) hoặc qua đường bưu điện ( $C_{NHS/NKQ BD}$ ) hoặc qua Internet ( $C_{NHS/NKQ NET}$ ).

Chi phí cho việc nộp hồ sơ/ Nhận kết quả ( $C_{NHS/NKQ}$ ) được tính bằng thời gian (trung bình 1 giờ/ 1 lượt, kết hợp với định mức vùng miền) nhân (x) với mức thu nhập bình quân/ 1 giờ làm việc (đối với trường hợp trực tiếp) hoặc tính bằng mức giá hiện hành do Nhà nước quy định (đối với trường hợp qua bưu điện hoặc Internet).

*Ví dụ:*

+  $C_{NHS/NKQ TT} = 2.0 \text{ giờ} \times 2 \text{ lượt} \times 17.310 \text{ đ} = 69.240 \text{ đ}$ . Hoặc:

+  $C_{NHS/NKQ BD} = 8.000 \text{ đ}$  (giá EMS nội tỉnh, trọng lượng  $\leq 100\text{gr}$ ).

**c) Đối với việc nộp phí, lệ phí (nếu có)**

Chi phí tính phí, lệ phí được viết tắt:  $C_P, LP$ . Các công việc cụ thể liên quan đến nộp phí, lệ phí bao gồm: Cá nhân, tổ chức nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan nhà nước khi nộp hồ sơ/nhận kết quả hoặc nộp/chuyển khoản tại kho bạc, ngân hàng.

Chi phí cho việc nộp phí, lệ phí được tính bằng mức phí, lệ phí áp dụng đối với từng TTHC theo quy định tại các văn bản của cơ quan có thẩm quyền cộng (+) với chi phí cho việc đi lại để nộp phí, lệ phí.

Trường hợp phí, lệ phí chỉ được quy định mức tối thiểu, tối đa và giao cho các địa phương hoặc cơ quan giải quyết thủ tục quy định mức cụ thể, trong trường hợp này có thể xác định mức phí, lệ phí theo một trong 2 cách:

- Lấy mức phí, lệ phí của một địa phương, cơ quan giải quyết thủ tục đang áp dụng (nếu có);

- Lấy mức phí, lệ phí trung bình của mức phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: Theo quy định về phí đăng ký thành lập Hợp tác xã chỉ xác định mức phí dao động từ 100.000 đ đến 200.000 đ và giao cho từng địa phương quyết định mức cụ thể. Trong trường hợp này, mức phí có thể được xác định bằng mức trung bình theo quy định của pháp luật là:  $(100.000 + 200.000)/2 = 150.000 \text{ đ}$ .

***d) Đối với việc chuẩn bị, phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)***

Công việc này bao gồm các hoạt động mà đối tượng tuân thủ TTHC phải chuẩn bị (hồ sơ, tài liệu, mẫu,...) và phục vụ việc kiểm tra trong quá trình giải quyết thủ tục.

Chi phí đối với việc chuẩn bị hồ sơ, tài liệu cho kiểm tra, đánh giá được xác định như việc chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn tại điểm a mục này.

Chi phí đối với việc chuẩn bị mẫu kiểm tra, đánh giá được xác định theo mức giá hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc theo thực tế.

Chi phí phục vụ kiểm tra, đánh giá được xác định bằng thời gian nhân (x) với số người tham gia phục vụ nhân (x) với mức thu nhập bình quân/ 01 giờ làm việc cộng (+) với chi phí khác (nếu có).

**Thứ hai, xác định thời gian thực hiện TTHC (T)**

Thời gian được xác định khi tính chi phí thực hiện TTHC bao gồm: thời gian cần thiết và thực tế để hoàn thành từng công việc cụ thể (đi lại nộp hồ sơ, nhận kết quả; tự chuẩn bị hồ sơ, tài liệu;...).

Cách xác định thời gian đi lại để thực hiện một công việc được tính trung bình là một (01) giờ/ một (01) lượt; thời gian làm đơn, tờ khai theo mẫu được tính trung bình là một (01) giờ/ một (01) trang và kết hợp với định mức tương ứng tùy thuộc vào từng địa bàn, phạm vi.

*Ví dụ: Đối với TTHC đề nghị cấp Giấy phép xây dựng trình bày trên đây, thời gian hoàn thành 01 thành phần hồ sơ và nộp hồ sơ được tính như sau:*

+ Thời gian làm đơn gồm 02 trang:

$$T_{HS1} = 1.0 \text{ giờ} \times 2 \text{ trang} = 2.0 \text{ giờ.}$$

+ Thời gian nộp hồ sơ, phạm vi cấp tỉnh:

$$T_{NHS} = 2.0 \text{ giờ} \times 2 \text{ lượt} = 4.0 \text{ giờ.}$$

**Thứ ba, Xác định mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc (TNBQ)**

Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc được tính theo công thức:

$$\text{Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc} = \frac{\text{Tổng sản phẩm trong nước (theo thống kê của năm gần nhất)}}{\text{Số dân (tương ứng năm thống kê)} \times 12 \text{ tháng} \times 22 \text{ ngày làm việc} \times 8 \text{ giờ làm việc}}$$

Nguồn thu thập số liệu là trang Thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê; thời gian làm việc trong một tháng là 22 ngày; thời gian làm việc trong một ngày là 08 giờ.

Ví dụ: Năm 2012, Tổng sản phẩm trong nước là 3.245.419 tỷ đồng, với dân số 88772,9 nghìn người. Như vậy, mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc sẽ là:

$$\text{TNBQ} = \frac{3.245.419.000.000.000}{88.772.900 \times 12 \times 22 \times 8} \approx 17.310 \text{ (đồng)}$$

#### **Thứ tư, xác định số lần thực hiện TTHC theo quy định trong 01 năm (P)**

Việc xác định số lần thực hiện chỉ áp dụng đối với những TTHC quy định cá nhân, tổ chức phải thực hiện TTHC đó từ hai lần trở lên trong một năm.

Số lần thực hiện TTHC được xác định bằng số lần theo quy định tại VBQPPL quy định về TTHC đó.

Ví dụ: Thủ tục kê khai, nộp thuế GTGT với cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế quy định: Cơ sở kinh doanh tự tính và kê khai thuế GTGT hàng tháng theo mẫu tờ khai do Bộ Tài chính ban hành.

Như vậy, theo quy định, cơ sở kinh doanh phải làm TTHC này 01 tháng/01 lần, nghĩa là số lần thực hiện bằng 12.

#### **Thứ năm, xác định số lượng đối tượng tuân thủ trong 01 năm (SL)**

Việc xác định số lượng đối tượng tuân thủ TTHC dựa trên cơ sở phạm vi, đối tượng áp dụng. Số lượng đối tượng tuân thủ một TTHC được xác định bằng tổng số lượt cá nhân, tổ chức sẽ hoặc đã thực hiện TTHC đó trong một năm.

Ví dụ: Trung bình mỗi năm dân số Việt Nam tăng thêm 947.000 người, tương ứng, dự báo số lượng đối tượng tuân thủ của thủ tục Đăng ký khai sinh sẽ là 947.000.

**Câu hỏi 22.** Trình tự tính toán chi phí tuân thủ TTHC thực hiện như thế nào?

**Trả lời:**

Việc tiến hành tính toán chi phí tuân thủ TTHC được tiến hành theo các công đoạn sau đây:

**Bước 1.** Xác định các thành phần có thể đo lường được chi phí để thực hiện TTHC (Xác định chi phí đối với từng công việc khi thực hiện TTHC; Xác định thời gian thực hiện TTHC (T); Xác định mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc (TNBQ); Xác định số lần thực hiện TTHC theo quy định trong 01 năm (P); Xác định số lượng đối tượng tuân thủ trong 01 năm).

Việc xác định các thành phần có thể đo lường được chi phí để thực hiện TTHC (bước 1) đã được giải đáp tại câu hỏi và trả lời số ...

**Bước 2.** Phân tích số liệu và tiến hành tính toán chi phí tuân thủ TTHC theo quy định hiện hành (đổi TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ) hoặc TTHC dự kiến ban hành mới (TTHC tại dự thảo VBQPPL).

Việc phân tích số liệu và tính toán chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới (bước 2) được thực hiện ngay sau khi hoàn thành bước (1); người tính toán chi phí tuân thủ TTHC nhập đầy đủ, chính xác số liệu vào Phần I - Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới của Bảng tính chi phí tuân thủ TTHC (tải từ Trang <http://thutuchanhchinh.vn/>), phần mềm Excel của Bảng tính này sẽ tự động tính kết quả của Chi phí thực hiện một TTHC (theo công thức:  $C_{TTHC} = C_{HS} + C_{DV} + C_{P, LP} + C_K$ ) và Tổng chi phí thực hiện TTHC đó trong một năm (theo công thức:  $\sum \text{Chi phí TTHC/1 năm} = C_{TTHC} \times P \times SL$ ).

**Bước 3.** Tính chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung (không áp dụng đối với TTHC dự kiến ban hành mới)

Sau khi copy Phần I của Bảng tính chi phí tuân thủ TTHC để tạo Phần II - Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh các công việc, các hoạt động và số liệu đã theo nội dung đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung, phần mềm Excel của Bảng tính này sẽ tự động tính kết quả của Chi phí thực hiện một TTHC sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung và Tổng chi phí thực hiện TTHC đó trong một năm.

**Bước 4.** Lập biểu đồ so sánh chi phí hiện tại và chi phí theo phương án mới (công đoạn này không áp dụng đối với TTHC mới)

Lợi ích từ việc đơn giản hoá hoặc sửa đổi, bổ sung được tính bằng chi phí thực hiện TTHC hiện tại trừ đi chi phí thực hiện TTHC sau đơn giản hoá, sửa đổi, bổ sung. Phần mềm Excel tại Phần III - So sánh chi phí sẽ tự động tính và thể hiện thông qua các biểu đồ so sánh kèm theo các giá trị và tỷ lệ % đơn giản hóa hoặc sửa đổi, bổ sung.

**Câu hỏi 23.** *Đối với một TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nhiều nhóm đối tượng thực hiện thì việc tính toán chi phí tuân thủ được thực hiện như thế nào?*

**Trả lời:**

Để đảm bảo tính chính xác cao của kết quả tính toán chi phí tuân thủ TTHC, trong trường hợp có nhiều nhóm đối tượng thực hiện TTHC thì Cơ quan chủ trì soạn thảo phải thu thập số liệu hoặc dự báo số lượng cụ thể của từng nhóm đối tượng thực hiện.

Khi nhập số liệu vào bảng tính, thì phải tính chi phí thực hiện các hoạt động đối với từng nhóm đối tượng tương ứng.

Sử dụng các số liệu đã thu thập để điền vào file excel “Bảng ứng dụng tính toán chi phí tuân thủ TTHC” Nêu rõ nguồn dữ liệu thu thập được trong cột Ghi chú của file excel nêu trên.

Sau khi điền đủ và đúng số liệu, bảng excel sẽ tự động tính toán các chi phí tuân thủ TTHC và cho biết số liệu theo từng hoạt động của TTHC và tổng cộng đối với cả TTHC.

Chỉ điền số liệu vào các ô có màu xanh nhạt. Tránh can thiệp vào các ô có màu khác (trừ một số trường hợp đặc biệt). Nếu sau khi điền toàn bộ các hoạt động, còn thừa dòng (row) thì dùng lệnh xóa (delete) để xóa các dòng thừa (lưu ý không xóa dòng tổng cuối cùng).